

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 41/2019/DS-GĐT

Ngày 05/7/2019

V/v “*Yêu cầu xác định phần
sở hữu của bà Trần Thị D
trong khối tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Trình và ông Nguyễn Thanh Long.

- ***Thư ký phiên họp:*** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
họp:*** Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên họp
giám đốc thẩm giải quyết việc dân sự “*Yêu cầu xác định phần sở hữu của bà Trần
Thị D trong khối tài sản chung*”, giữa:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Hữu Ph ; địa chỉ: Chi
cục Thi hành án dân sự thị xã A , tỉnh Gia Lai

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Trần Thị D ;

2.2. Ông Kim Văn Th ;

Bà D và ông Th cùng địa chỉ: nhà số S đường F, tổ G, phường T, thị xã A ,
tỉnh Gia Lai.

2.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần N ; địa chỉ: X, phường V, thị xã A ,
tỉnh Gia Lai.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Năm 2014, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A , tỉnh Gia Lai tổ chức thi
hành các quyết định và bản án có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã A (Quyết
định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2013/QĐST-DS ngày
27/12/2013, Quyết định số 05/2014/QĐST-DS ngày 22/01/2014; Bản án dân sự sơ
thẩm số 15/2013/DS-ST ngày 20/8/2013, bản án dân sự sơ thẩm số 28/2014/DSST
ngày 22/8/2014), theo đó thì bà Trần Thị D phải thi hành án trả nợ cho những người
được thi hành án gồm bà Lê Thị Kim L , bà Nguyễn Thị Hạnh L1 , bà Mã Thị T và
ông L số tiền 442.600.000 đồng và phải nộp 10.080.000 đồng án phí.

- Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A xác
minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã A thì được biết: Vợ chồng
ông Kim Văn Th , bà Trần Thị D có tài sản là nhà cấp 4 diện tích xây dựng 98,6m²

tọa lạc trên thửa đất số 09, tờ bản đồ số 26, diện tích 342,6m² gồm 100m² đất ở và 242,6m² đất trồng cây lâu, địa chỉ S F , phường T , thị xã A , tỉnh Gia Lai (được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 555697 ngày 25/8/2010). Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A thông báo cho ông Th để ông Th khởi kiện chia phần tài sản của ông Th trong khối tài sản chung vợ chồng, để tránh việc bị Cơ quan Thi hành án kê biên thi hành toàn bộ nên ông Th đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A . Tuy nhiên, tài sản chung vợ chồng nêu trên, ông Th và bà D đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N nên ngày 21/11/2014, Tòa án nhân dân thị xã A căn cứ điểm d khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự (chưa đủ điều kiện khởi kiện) để ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 32/2014/QĐST-HNGĐ.

- Ngày 09/02/2015, ông Nguyễn Hữu Ph là Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A có Đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A xác định phần sở hữu của bà D trong khối tài sản chung của vợ chồng bà D , ông Th .

- Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai quyết định: *Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Hữu Ph . Xác định phần sở hữu của bà Trần Thị D , sinh năm 1974; Địa chỉ: S F , tổ 11, phường T , thị xã A , tỉnh Gia Lai trong khối tài sản chung của bà Trần Thị D và ông Kim Văn Th như sau: Bà Trần Thị D được ½ quyền sử dụng đất đối với thửa đất 09, tờ bản đồ số 26 đã được UBND thị xã A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 555697 ngày 25/8/2010 có diện tích là 342,6m² (trong đó 100m² đất ở và 242,6m² đất cây trồng lâu năm) và được quyền sở hữu ½ căn nhà cấp IV có diện tích xây dựng là 98,6m² gắn liền thửa đất nêu trên. Tòa án nhân dân thị xã A còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.*

- Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã A không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A tổ chức thi hành, kê biên bán đấu giá toàn bộ nhà đất nêu trên, trích phần giá trị sở hữu của bà D để thi hành các quyết định và bản án có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã A (Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 36/2013/QĐST-DS ngày 27/12/2013, Quyết định số 05/2014/QĐST-DS ngày 22/01/2014; Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2013/DS-ST ngày 20/8/2013, bản án dân sự sơ thẩm số 28/2014/DSST ngày 22/8/2014); tuy nhiên, ông Th khiếu nại nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A đã hủy kết quả kê biên, bán đấu giá, giao nhà đất lại cho ông Th , bà D quản lý, sử dụng.

- Ngày 17/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có Báo cáo kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã A .

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 11/4/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên họp giám đốc thẩm xét giải quyết hủy Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015 của Tòa án nhân

dân thị xã A , giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết sơ thẩm lại việc dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên họp giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH:

[1]. Tại *Biên bản kê biên, xử lý tài sản* do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A lập ngày 12/01/2016 (bút lục 48-52) thể hiện: Tài sản gắn liền 342,6m² đất, thửa số 9, tờ bản đồ số 26, địa chỉ S F , phường T , thị xã A gồm: 01 nhà cấp 4 có 1 tầng hầm, diện tích xây dựng nhà là 107,695m² và tổng diện tích mặt sàn là 215,39m²; vật kiến trúc trên đất có 01 giếng nước, tường rào xây, cổng ngõ bằng sắt; tuy nhiên, tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã A công nhận bà D có “*quyền sử dụng ½ thửa đất 09, tờ bản đồ số 26 đã được UBND thị xã A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 555697 ngày 25/8/2010 có diện tích là 342,6m² (trong đó 100m² đất ở và 242,6m² đất cây trồng lâu năm) và được quyền sở hữu ½ căn nhà cấp IV có diện tích xây dựng là 98,6m² gắn liền thửa đất nêu trên*” là không đúng với thực trạng tài sản trên đất; dẫn đến khó khăn cho việc kê biên, đấu giá khi thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A cũng đã hủy kết quả kê biên, bán đấu giá, giao nhà đất lại cho ông Th , bà D quản lý, sử dụng.

[2]. Lẽ ra, khi giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của người yêu cầu (ông Nguyễn Hữu Ph – Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A) thì Tòa án nhân dân thị xã A phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; nhưng Tòa án nhân dân thị xã A chỉ căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ nội dung *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BA 555697 mà Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho vợ chồng ông Th , bà D ngày 25/8/2010 để công nhận phần tài sản của bà D trong khối tài sản chung vợ chồng dẫn đến sai sót như nêu ở mục [1].

[3]. Từ [1] và [2] xét thấy, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 44/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 11/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên được chấp nhận. Khi về giải quyết lại việc dân sự này, Tòa án cần tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại tài sản để cập nhật nếu có phát sinh thêm tài sản khác gắn liền trên đất; đồng thời xem xét quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (nếu còn liên quan với nhà đất vì Quyết định giải quyết việc dân sự thể hiện Tòa án nhân dân thị xã A có đưa Ngân hàng Thương mại cổ phần N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không nhận xét, giải quyết) thì mới đủ cơ sở giải quyết chính xác việc dân sự này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2015/QĐ-VDS ngày 21/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai, giữa người yêu cầu là ông Nguyễn Hữu Ph (Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A) với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự gồm bà Trần Thị D , ông Kim Văn Th và Ngân hàng Thương mại cổ phần N ;

2. Giao hồ sơ việc dân sự cho Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai để giải quyết sơ thẩm lại việc dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai
(02 bản kèm hồ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A ,
tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM
và hồ sơ việc dân sự.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân